

CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN
ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN

-----00000-----

Số: 01.2026 /BC-MITEST

“V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động
thí nghiệm chuyên ngành xây dựng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----00000-----

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

ĐẾN

Số:

Ngày: 04/5/2026

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát,
Nhà thầu thi công; Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây
dựng.

Căn cứ Nghị định số: 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy
định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên
ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục
hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý
của Bộ xây dựng;

Căn cứ Công văn số: 618/SXD-KTVL ngày 28/01/2026 của Sở xây dựng
tỉnh Quảng Ngãi “V/v triển khai quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng”;

Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Trung Tây
Nguyên công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên
ngành xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **CÔNG TY
CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY
NGUYÊN.**

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4300877712 đăng ký lần đầu
ngày 04 tháng 03 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 04 năm
2025, tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở tài chính tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện pháp luật: **LÊ THANH PHONG** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 97 Ngô Sĩ Liên, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng
Ngãi.

4. Địa chỉ hòm thư điện tử:

E-mail: info@mitest.vn

Website: mitest.vn

5. Số điện thoại: 0914081889

6. Tên phòng thí nghiệm: **TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM TRA KHÔNG PHÁ HỦY.**

7. Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 161 Ngô Sĩ Liên, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi.

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
1	THỬ NGHIỆM XI MĂNG	
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03; TCVN 6067:18; BS EN 196-6:10; ASTM C184; ASTM C188; ASTM C150; ASTM C204; AASHTO T133; AASHTO T153; AASHTO T192
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; ASTM C109; ASTM C348; ASTM C349; AASHTO T106-11; BS EN 196-1:05
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích và hàm lượng bọt khí	TCVN 6017:2015; TCVN 6067:18; TCVN 8876:2012; BS EN 196-3:05; ASTM C187; ASTM C191; ASTM C185; ASTM C150; AASHTO T131-10
	Hàm lượng mất khi nung; Độ nở sunfat; Hàm lượng: MgO; SO ₃ ; C ₃ A; 4AF+2C ₃ A; BaO và cặn không tan	TCVN 6067:18; TCVN 6068:04; TCVN 6820:15; ASTM C150; ASTM C452
2	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Lấy mẫu; Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần cỡ hạt; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định	TCVN 7572-2006; ASTM C29; ASTM C33; ASTM C40; ASTM C127; ASTM C128; ASTM C131; ASTM C136; ASTM C170; ASTM C227; ASTM C566; AASHTO T19; AASHTO T27; AASHTO T84; AASHTO T85; AASHTO T96;

	cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá; Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic; Xác định hàm lượng clorua; Xác định hàm lượng sulfat và sunfit; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình; Xác định hàm lượng mica	AASHTO T255; AASHTO T335; EN 933; EN 1097; EN 1744-5; EN 1092-2; BS 812; JIS A1102; JIS A1103; JIS A1104; JIS A1109; JIS A1110; JIS A1111; JIS A11121; JIS A1125; JIS A1126; JIS A1137; JIS A1146; JIS M302; BS EN 12620; BS EN 1744-1:2009+A1:2012
	Xác định hệ số đương lượng ES	ASTM D2419:91
	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75mm	TCVN 9205:2012; AASHTO T11
3	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, VẬT LIỆU CẤP PHỐI ĐÁ DẼM	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; ASTM D854; ASTM D5550; AASHTO T100
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216; ASTM D4959
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; GOST-5184; AASHTO T89; AASHTO T90; ASTM D4318
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12; AASHTO T88; AASHTO T27; ASTM C136-06; ASTM D1140; ASTM D422
	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:12; ASTM D3080
	Xác định tính nén lún, tính cố kết một trục trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; TCVN 8722:12; ASTM D2166; ASTM D2435; AASHTO T216; AASHTO T297
	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; AASHTO T99; AASHTO T180; ASTM D698-00a; BS 1377 P.4; ASTM D1557
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937
	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; JIS A1211; AASHTO T193; ASTM D 1883; BS 1377-90 P.4

	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:06; AASHTO T208; JIS A1216; TCVN 8868:2011
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12; ASTM D4546; AASHTO T258; ASTM D4829
	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12
	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
	Xác định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
	Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
4	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-2011; BS 598; ASTM D1559; ASTM D2041; ASTM D2172; ASTM D2726; ASTM D6927; EN 13108; EN 12697; AASHTO T164; AASHTO T166; AASHTO T172; AASHTO T209; AASHTO T245
	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng con lăn anh	ASTM E303; BS 812:114; TCVN 10271:2014
5	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Hình dáng bên ngoài, thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng của bột chất khoáng, khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, hệ số háo nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường, xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường, chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:84; AASHTO T27; AASHTO T100; TCVN 12884:2020
	Xác định độ ẩm	TCVN 3912:1984

6	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA NHỮ TƯƠNG	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05; ASTM D5; AASHTO T49
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7469:05; ASTM D113; AASHTO T51
	Xác định điểm hoá mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53
	Xác định Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; ASTM D92; TCVN 8818-2:11; AASHTO T48
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05; ASTM D6; TCVN 11710:17; ASTM D1754; TCVN 11711:17; ASTM D2872; AASHTO T47; AASHTO T179; AASHTO T240
	Xác định lượng hoà tan trong Tricloroethylene	TCVN 7500:05; ASTM D 2042; AASHTO T44
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228
	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05; ASTM D2170; AASHTO T59
	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05; DIN 52015
	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:05; ASTM D3625-05; AASHTO T182-84
	Xác định tỷ lệ độ tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt ở 163°C trong 5h với khối lượng ở 25°C	TCVN 7499:05
	Bitum: Phương pháp xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:2017
	Bitum: Phương pháp xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
	Bitum: Phương pháp xác định độ nhớt bằng nhớt kế Brookfield	TCVN 11196:2017
7	THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG	
	Độ đàn hồi ở 25°C, mẫu kéo dài 20cm	AASHTO T301
	Hàm lượng Polime	AASHTO T302

	Xác định độ nhớt Saybolt Furol, Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ, Xác định hàm lượng hạt quá cỡ, Xác định điện tích hạt, Xác định độ khử nhũ, Thử nghiệm trộn với xi măng, Xác định độ dính bám và tính chịu nước, Thử nghiệm chưng cất, Xác định độ bay hơi, Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit, khả năng trộn lẫn với nước, xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-2011; ASTM D244-04; AASHTO T59-01; 22TCN 219; 04; ASTM D5892
	Xác định nhiệt độ bắt lửa, xác định hàm lượng nước, thử nghiệm chưng cất; Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818:11; ASTM D2171; AASHTO T201
8	THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol, Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ, Xác định hàm lượng hạt quá cỡ, Xác định điện tích hạt, Xác định độ khử nhũ, Thử nghiệm trộn với xi măng, Xác định độ dính bám và tính chịu nước, Thử nghiệm chưng cất, Xác định độ bay hơi, Xác định độ bay hơi, Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit, khả năng trộn lẫn với nước, xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8117-2011; ASTM D244-04; AASHTO T59-01; 22TCN 219-04; ASTM D5892
	Xác định nhiệt độ bắt lửa, xác định hàm lượng nước, thử nghiệm chưng cất; Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8118:11; ASTM D2171; AASHTO T201
	Thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng	TCVN 11711:2017
	Chỉ số độ kim lún (PI)	Phụ lục D TCVN 13150-2:2020; Phụ lục II thông tư số 27/2014/ TT-BGTVT
9	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, xác định độ lưu động của vữa tươi, xác định khối lượng thể tích của vữa tươi, xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi, xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi, xác định khối lượng thể tích mẫu vữa	TCVN 3121:2022; EN 1015:99; ASTM C1403-06; EN 445:07; ASTM C1218-99(08); ASTM C1102/C1398/C807-08;, ASTM C109-11b, ASTM C1583-04;

	đã đóng rắn, xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn, xác định độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền, xác định hàm lượng ion clo trong nước, xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	EN 1015-15:00
10	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:22; ASTM C39; ACI 228; BS 1881 P.119; AASHTO T22; T140; T24; BS EN 12350-3:09; BS EN 12504-1:09; JIS A1108; A1107
	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:22; ASTM C293; C78; JIS A1106; AASHTO T97; T177; BS EN 12350-5:09; JIS A 1114:11; BS 1881 P.118
	Xác định cường độ kéo khi bửa của bê tông	TCVN 3120:22; ASTM C496-11; AASHTO T198-09; JIS A 1113:06
	Lấy mẫu khi khoan từ cấu kiện	ASTM C42:09
	Thử nghiệm uốn biên của bê tông	ASTM C512-02
	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1064-05
	Phương pháp xác định cường độ bê tông trộn mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
11	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo	TCVN 197:2014; AASHTO T68-09; ASTM A370:11; ASTM E8/E8M; ISO 6892:84; JIS Z2241:11; BS EN 10002:01; AS 1302:07
	Thử uốn	TCVN 198:08; ASTM A370:11; ASTM A90/A90M; JIS Z2248:08; BS EN 4449:06; ASTM E855; AS 1302:07

Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 5401:10; ASTM A184/A184M
Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử nén dẹt	TCVN 5402:12; ASTM A333/333M
Kiểm tra không phá hủy – PP thẩm thấu	TCVN 4617:2018; DNV C401:2023
Kiểm tra không phá hủy – PP dùng bột từ	TCVN 4396:2018; ASTM E709; DNV C401:2023
Kiểm tra mối hàn bằng PP siêu âm	TCVN 6735:2018; BS 3923; ASTM E164; DNV C401:2023
Thử kéo bulong	TCVN 1916:95; ASTM A370:02; ASTM D429:03; ASTM E8M:00; ASTM F606:02
Cốt thép – PP uốn và uốn lại	TCVN 6287:97; ISO 10065:90; BS 4449:05
Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:09; ISO 15835-2:09
Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
PP đo điện thế kiểm tra khả năng ăn mòn cốt thép trong bê tông	TCVN 9348:2012
Lớp phủ mạ kẽm nóng – PP thử	TCVN 5408:07
Thử độ cứng vật liệu kim loại; Độ cứng Vicker; Độ cứng Rockwell; Độ cứng Brinell	TCVN 257:07; TCVN 256:06; ASTM E384-11e; ASTM E18; E10:14
Đo chiều dày lớp sơn phủ - Chiều dày sơn	TCVN 5778:07; ASTM E376; ASTM D6132; D3363; ASTM B487; ASTM A90; A123; A385; JIS H0401:13
Thử nghiệm hệ số xiết bulong cường độ cao	JIS B1186:95
Mối hàn – Phương pháp thử kéo	TCVN 5403:10; ASME BPV code:2011; JIS Z3121-93; Z3040-95; AWS D1.1/D1.1M:10; AASHTO T68
Bu lông, vít, vít cấy thử lực cắt	ASTM F606M-02

	Phân tích thành phần hoá học vật liệu kim loại	TCVN 8998:2018; ASTM E415:2017; ASTM E1019:2008; ASTM E 1086:2008; JIS G 0320:2009; JIS G 1253:2002
	Thử va đập	TCVN 312-1:2007
	Phương pháp loại bỏ sản phẩm ăn mòn của tấm mẫu sau khi thử nghiệm	ISO 8407:2009; GOST 9.907:2007
	Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn	TCVN 9348:2012; ISO 9226:2012; GOST 9.908:1985; ISO 10289:2016
	Thử thủy lực ống	TCVN 1832:2008
	Ống kim loại: Thử kéo	TCVN 314:2008
	Ống kim loại: Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
	Lớp mạ kim loại: Kiểm tra ngoại quan, chiều dày	TCVN 4392:1986
	Lớp phủ kim loại, lớp phủ kẽm nhúng nóng trên vật liệu chứa sắt - Xác định khối lượng thể tích lớp mạ trên đơn vị diện tích	TCVN 7665:2007
	Lớp phủ chống mài mòn: Tổng chiều dày lớp phủ	ASTM E376-17
	Lớp phủ chống mài mòn: Cường độ bám dính giữa lớp phủ Al-Mg với nền thép	ASTM D4541-17
	Lớp phủ chống mài mòn: Thử nghiệm phun mù muối	ASTM B117-19; ISO 9227:2022
	Phân loại và đánh giá khuyết tật mối hàn bằng phương pháp phim rơnghen	TCVN 4394:1986; ISO 17636:03; ASTM E1032:01; BS EN 1435:97
	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm PAUT	ASME B31.3; DNV C401:2023

	Kiểm tra cấu trúc tế vi	TCVN 3902-1984; ASTM A923; ISO 945-1:2019; ASTM E3-17; ASTM E407-15; ASTM E562-19; ASTM E112-13; JIS G 0551:2020; AWS D1.1:2020;
	Thử nghiệm bề gãy mối hàn	AWS D1.1:2020; ISO 15614-1:2017; ASME IX:2021; ISO 9606:2012; API 1104:2018; BV NR 476:01
	Thử nghiệm phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại — Kiểm tra vĩ mô và hiển vi mối hàn	ISO 17639:2013
	Phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn cho kim loại và hợp kim khắc vĩ mô	ASTM E340-15
	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy	DNV C401:2023
	Thử nghiệm ăn mòn tính giới trong thép không gỉ	ASTM A262
	Xác định hàm lượng Hàm lượng Ferrit	ASTM E562; AWS A 4.2-2006
12	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	PP không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335:12; ASTM C805; DIN 1048; JIS A1155:12
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12; BS 1881-P.201
	Kiểm tra không phá hủy hoại xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:09
	Thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu BTCT chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:2012; ASTM E2127-01A; ASTM E455-11
	Rung động và chấn động cơ học - Rung động đối với các công trình xây dựng - Hướng dẫn đo rung động và đánh giá ảnh hưởng của chúng đến công trình xây dựng	TCVN 7191:2002

	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; ASTM C597:09; BS 1881:203
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9399:2012; TCVN 9400:2012; TCVN 9398:2012; TCVN 9394:2012; TCVN 8215:2012
	Quan trắc lún sâu bằng phương pháp Extensometer	DIN 4107:2
	Phương pháp thí nghiệm gia tải tĩnh để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cấu kiện bê tông	TCVN 9347:2012
	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng - Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012; ASTM D7234; C1860
	Xác định lực liên kết giữa bê tông và cốt thép	ASTM A944
	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D4395
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao dai	22TCN 02:71; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; ASTM D2937; AASHTO T204; TCVN 12791:2020
	Độ ẩm, KLTT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191
	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950; E1082
	Xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965
	Xác định mô đun đàn hồi E chung của áo đường bằng cân Belkenman	TCVN 8867:11; AASHTO T256; ASTM D4695
	Xác định modul đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:11
	Thí nghiệm CBR – Ngoài hiện trường	TCVN 8821:11; ASTM D4429-09a
	Xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011; AASHTO T286; ASTM E950; ASTM E1082

13	THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, CÁP QUANG	
	Sợi dây đồng tròn kỹ thuật điện/Ruột dẫn cáp cách điện các định: Số sợi, mặt cách danh nghĩa, thử kéo, độ dẫn dài tương đối, điện trở ruột dẫn ở 20°C	TCVN 5933:1995
	Cáp và dây dẫn mềm xác định chỉ tiêu cơ học của lớp cách điện và vỏ: Lực phá huỷ khi kéo; Độ giãn dài tương đối khi kéo đứt	TCVN 5582:1991
	Dây điện bọc nhựa PVC: Đo chiều dày và kích thước, tính chất vỏ bọc cách điện, độ bền điện áp, điện trở cách điện, điện trở ruột dẫn, điện áp trên cáp hoàn chỉnh	TCVN 6610:2014
	Chiều dày, độ bền kéo, độ dẫn dài của lớp cách điện XLPE, PVC	TCVN 5935:2013; IEC 60502:2009
	Vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang xác định: Chiều dày, kích thước; Thử nghiệm xác định đặc tính cơ; Lão hoá nhiệt; Thử nghiệm ở nhiệt độ thấp; thử nghiệm tính kháng ozon, thử nghiệm kéo dẫn trong lò nhiệt và thử nghiệm ngâm trong dầu khoáng	TCVN 6614:2008; IEC 60811-409:2012
	Ruột dẫn của cáp cách điện	TCVN 6612:2007
	Thử cách điện và vỏ bọc của cáp và dây dẫn điện	TCVN 5936:1995
	Xác định tính chất ống, máng luồn dây và phụ kiện	IEC 61386; BS EN 50085; BS 4568-1-1970; BS EN 50086; BS EN 61386; JIS C8305; UL 797-2007
	Thử cháy	TCVN 9618:2013; TCVN 6613:2010
	Xác định độ bền va đập, khả năng chịu nhiệt, chịu ăn mòn, khả năng chịu lửa của phụ kiện lắp đặt bằng nhựa	BS EN 4607:1984
	Xác định đường kính sợi đồng, điện trở cách điện, ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi đồng, ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của vỏ cách điện, khả năng chống nứt của vỏ cách điện, biến dạng của vỏ cách điện, điện trở 1 chiều của ruột dẫn	TCVN 8090:2009

	Kích thước cơ sở; Độ dẫn điện; An toàn cách điện	IEC 60227:2001; TCVN 6610:2011; IEC 331; BS6387
14	THỬ NGHIỆM CÁP TRẦN TRÊN KHÔNG	
	Kiểm tra kết cấu số sợi, số lớp xoắn, chiều xoắn của lớp ngoài cùng; đo đường kính của sợi dẫn; Xác định tỷ số bước xoắn	TCVN 6483 : 1999 IEC 1089 : 1991
15	THỬ NGHIỆM CÁP THÉP THÔNG DỤNG	
	Xác định tải trọng phá hỏng thực tế	TCVN 6368:1998
16	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA, ỐNG NHỰA VÀ PHỤ TÙNG ỐNG	
	Xác định kích thước của hệ thống ống nhựa nhiệt dẻo	TCVN 6145:2007
	Xác định độ bền áp suất trong	TCVN 6149:2007
	Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003
	Nhiệt độ hoá mềm Vicat	ASTM D1525; TCVN 6147:2003
	Xác định độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 7434:2004
	Ống nhựa gân xoắn HDPE xác định: Kích thước và sai lệch; Độ bền của ống trong môi trường hoá chất; Độ biến dạng hình học và áp lực nén ngoài của ống; Áp lực trong của ống	TCVN 9070:2012; TCVN 8699:2011; ASTM D1525
	Xác định độ cứng ống	ASTM D 2412
	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011
	Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống Sprinkler tự động	TCVN 6305-1,2,3:2007; TCVN 6305-7,11:2006
17	THỬ NGHIỆM HỆ THỐNG ỐNG DÙNG CHO LẮP ĐẶT CÁP	
	Khả năng chịu nén; Khả năng chịu va đập; Đo độ bền điện môi; Khả năng chịu nhiệt của ống; Khả năng chống cháy lan của ống; Khả năng chống cháy lan của phụ kiện ống	TCVN 7417-1:2010; IEC 61386-1:2008; TCVN 9900-11-2-2013

2. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ	NƠI SẢN XUẤT	Model/Type	TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ
1	Súng bột nẩy	PROCEQ	N-34	Thiết bị hoạt động bình thường
2	Máy siêu âm bê tông	PROCEQ	24.2525	Thiết bị hoạt động bình thường
3	Máy siêu âm định vị cốt thép	Trung Quốc	ZBL-R630A	Thiết bị hoạt động bình thường
4	Máy nén bê tông 2000kN	Trung Quốc	YAW-2000D	Thiết bị hoạt động bình thường
5	Cần siết lực	C-MART	F0025-30	Thiết bị hoạt động bình thường
6	Máy nén vữa	Trung Quốc	YAW-300G	Thiết bị hoạt động bình thường
7	Máy đo điện trở tiếp đất	KYORITSU	KEW 4105A	Thiết bị hoạt động bình thường
8	Máy kéo dính bám	Trung Quốc	ZQS6-2000	Thiết bị hoạt động bình thường
9	Máy quang phổ XRF	FPI	M500	Thiết bị hoạt động bình thường
10	Thiết bị phun sương muối	Trung Quốc	N/A	Thiết bị hoạt động bình thường
11	Máy đo độ cứng kim loại HRC	LEEB	LHRS-150	Thiết bị hoạt động bình thường
12	Máy đo độ cứng kim loại HV	Trung Quốc	HV30	Thiết bị hoạt động bình thường
13	Máy va đập mẫu kim loại	Trung Quốc	JBW-500B	Thiết bị hoạt động bình thường
14	Máy đo chiều dày lớp phủ	Trung Quốc	TCVN-CT200F	Thiết bị hoạt động bình thường

15	Gông từ	KOREA	MP-A2D	Thiết bị hoạt động bình thường
16	Máy siêu âm mối hàn	OLYMOUS-USA	EPOCH600	Thiết bị hoạt động bình thường
17	Máy kéo nén 1 kN	Trung Quốc	WDS-100	Thiết bị hoạt động bình thường
18	Máy kéo nén 25 kN	Trung Quốc	RTF-1325	Thiết bị hoạt động bình thường
19	Máy kéo nén 5 kN	Trung Quốc	WDS-500	Thiết bị hoạt động bình thường
20	Máy kéo nén 100 kN	Trung Quốc	WDW100	Thiết bị hoạt động bình thường
21	Máy kéo nén 1 000 kN	Trung Quốc	WEW-1000C	Thiết bị hoạt động bình thường
22	Đồng so so (0 ÷ 10) mm	MC02000212	GUANGLU	Thiết bị hoạt động bình thường
23	Đồng so so (0 ÷ 50) mm	MC02000212	GUANGLU	Thiết bị hoạt động bình thường
24	Kính hiển vi điện tử 1000X	OLYMOUS-USA	GX51	Thiết bị hoạt động bình thường
25	Nhiệt kế Fluke	FLUKE	(-20 ÷ 300) °C	Thiết bị hoạt động bình thường
26	Máy nén CBR	CBR-2	(0 ÷ 50) kN	Thiết bị hoạt động bình thường
27	Máy nén MARSHALL	LWD-3A	(0 ÷ 50) kN	Thiết bị hoạt động bình thường
28	Máy thử nhiệt độ bắt lửa nhựa đường	SYD-3536	-	Thiết bị hoạt động bình thường
29	Máy thử nhiệt độ hoá mềm nhựa đường	DF-12	-	Thiết bị hoạt động bình thường
30	Máy thử nhiệt độ hoá mềm nhựa đường	LHDF-8	-	Thiết bị hoạt động bình thường

31	Máy thí nghiệm độ kim lún nhựa đường Matest	BO57-11	$(0 \div 50)$ mm; $(0 \div 100)$ °C	Thiết bị hoạt động bình thường
32	Thiết bị đo giãn dài nhựa đường	LYS-1	-	Thiết bị hoạt động bình thường
33	Máy thí nghiệm độ nhớt saybolt	SYD-0623	$(0.0 \div 999.9)$ s; $(0 \div 240)$ °C	Thiết bị hoạt động bình thường
34	Bộ thí nghiệm độ nhớt brookfield nhựa đường	NKY-25	$(10 \div 250)$ °C	Thiết bị hoạt động bình thường
35	Thiết bị thí nghiệm tổn thất nhựa bitum (Tủ nhiệt LBH)	LBH-1	$(50 \div 200)$ °C	Thiết bị hoạt động bình thường
36	Máy đo độ nhớt động học nhựa đường (Bể điều nhiệt)	SYD265E	đến 180 °C	Thiết bị hoạt động bình thường
37	Thiết bị xác định hàm lượng PARAPHIN (Bể điều nhiệt)	WSY-010A	đến -30 °C	Thiết bị hoạt động bình thường
38	Thiết bị thí nghiệm vết hàn bánh xe	LHCZ-8	-	Thiết bị hoạt động bình thường
39	Bộ thiết bị thí nghiệm chưng cất nhũ tương	CCNT	$(-200 \div 450)$ °C	Thiết bị hoạt động bình thường
40	Bộ thiết bị thí nghiệm chưng cất nhựa lỏng	SN-DZTW-500ML	$(-50 \div 999.9)$ °C; $(1000 \div 1300)$ °C	Thiết bị hoạt động bình thường
41	Máy chiếc nhựa	HCT-2	-	Thiết bị hoạt động bình thường
42	Thiết bị thí nghiệm điện tích hạt	SYD-0653	Max: 30 mA	Thiết bị hoạt động bình thường
43	Lò nung	SX2-4-10	$(0 \div 1000)$ °C	Thiết bị hoạt động bình thường
44	Bộ thí nghiệm đo E bằng tấm ép cứng	T30S12.5	$(0 \div 300)$ kN	Thiết bị hoạt động bình thường
45	Máy nén đất 1 trục nở hông	YYW-2	-	Thiết bị hoạt động bình thường

46	Nhiệt kế	KEYSIGHT	$(-50 \div 1300) ^\circ\text{C}$	Thiết bị hoạt động bình thường
47	Tủ sấy	Trung Quốc	$(10 \div 300) ^\circ\text{C}$	Thiết bị hoạt động bình thường
48	Bể điều nhiệt	PRESYS	$(-25 \div 155) ^\circ\text{C}$	Thiết bị hoạt động bình thường
49	Bể điều nhiệt dầu	STECH	$(0 \div 300) ^\circ\text{C}$	Thiết bị hoạt động bình thường
50	Cân đĩa	Nhật Bản	EK-1200G	Thiết bị hoạt động bình thường
51	Cân phân tích	Ohaus - Mỹ	PJX1203/E	Thiết bị hoạt động bình thường
52	Cân kỹ thuật	Ohaus - Mỹ	AR323CN	Thiết bị hoạt động bình thường
53	Thước cặp	Mitutoyo	CD-P15M	Thiết bị hoạt động bình thường
54	Máy toàn đạc	Leica	TCA 2003	Thiết bị hoạt động bình thường
55	Mia thủy chuẩn	Shufeng	N/A	Thiết bị hoạt động bình thường
56	Thước lá	Insize	ST-1000KD	Thiết bị hoạt động bình thường
57	Kính lúp có vạch chia	Peak	NO.1983	Thiết bị hoạt động bình thường
58	Thước vạn đo ngoài (Panme)	Mitutoyo	293-100-10	Thiết bị hoạt động bình thường
59	Bộ sàng D300: (20; 10; 5; 2; 1; 0.5; 0.25; 0.1) mm	-	-	Thiết bị hoạt động bình thường

60	Bộ sàng D300 mắt sàng: (75; 50; 40; 37,5; 25; 20; 19; 16; 10; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,63; 0,315; 0,15; 0,075; 1,7; 0,5; 0,425) mm	-	-	Thiết bị hoạt động bình thường
61	Bộ Sàng D300: (25; 19; 16; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,6; 0,3; 0,15; 0,075) mm	-	-	Thiết bị hoạt động bình thường
62	Bộ sàng D300: (25;19; 16; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36(2); 1,18(2); 0,6; 0,3; 0,15; 0,075) mm	-	-	Thiết bị hoạt động bình thường
63	Sàng 0.850 mm	-	-	Thiết bị hoạt động bình thường
64	Sàng 1.4 mm	-	-	Thiết bị hoạt động bình thường
65	Ampe kìm	393 FC	1000V/AC 1500V/DC	
66	FLUKE đa năng	FLUKE 725	Đo DC: 30V/24mA/3200Ω Phát DC: 10V/24mA/3200Ω	
67	Nguồn phát đa năng	MEATEST 9010	(0~1050)V/DC&AC (0~20)A/DC&AC 5,6kW/DC&AC 0Ω~1GΩ	
68	Đồng hồ đo điện vạn năng 6 1/2	KEYSIGHT 34461A	1000V/DC 750V/AC 10A/DC&AC 100MΩ	
69	Đồng hồ đo điện vạn năng	GDM-8255A	1000V/DC 750V/AC 10A/DC&AC 100MΩ	
70	Máy đo điện trở cách điện	5069	-	
71	Nguồn cấp điện DC	UTP1305	Phát DC: 32 V/ 5 A	
72	Que thử cao áp	FLUKE 80K-40	40KV/DC 28KV/AC	
73	Thiết bị phát tần	HP 33120A	15 MHz	

3. Danh sách thí nghiệm viên

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ/CÔNG VIỆC ĐƯỢC GIAO	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ
1	Lê Thanh Phong	– Tổng Giám đốc Công ty – Chỉ đạo, quản lý và điều hành hoạt động chung	Kỹ sư xây dựng cầu đường	1/ Bằng tốt nghiệp đại học: Kỹ sư xây dựng cầu đường. 2/ Tập huấn về “Quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng”. 3/ Thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô. 4/ Bồi dưỡng nghiệp vụ “Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực & Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng”. 5/ Bồi dưỡng nghiệp vụ “Giám sát thi công công trình xây dựng công trình”. 6/ Phân tích các nguyên tố hoá học trong kim loại và hợp kim bằng máy Quang phổ phát xạ. 7/ Nhận thức chung theo ISO/IEC 17025:2017. 8/ Đánh giá nội bộ theo ISO/IEC 17025:2017. 9/ Tập huấn Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 cho phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng.
2	Đỗ Quang Trang	– Giám đốc Công ty – Ký phê duyệt Hồ sơ, Báo cáo kết quả thí nghiệm. – Quản lý thực hiện các nghiệp vụ kỹ thuật thử nghiệm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ	Công nghệ kỹ thuật giao thông	1/ Bằng tốt nghiệp cao đẳng: Công nghệ kỹ thuật giao thông. 2/ Chứng nhận: Kiểm tra siêu âm mỗi hàn UT (Level II) 3/ Chứng nhận: Kiểm tra thử từ mỗi hàn MT (Level II)

		thuật đúng qui định của Pháp luật. – Thực hiện mọi nhiệm vụ của Tổng Giám đốc Công ty giao.		4/ Chứng nhận: kiểm tra thẩm thấu chất lỏng PT (Level II)
3	Nguyễn Thanh Tâm	– Trưởng phòng thí nghiệm. – Chỉ đạo tổ chức quản lý và điều hành hoạt động của Phòng thí nghiệm: gồm các công tác thí nghiệm kiểm định tại hiện trường, thực hiện các nghiệp vụ kỹ thuật thử nghiệm theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật đúng qui định của Pháp luật. – Thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/ IEC 17025:2017 – Tham gia thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường theo các nghiệp vụ đã được đào tạo. – Thực hiện mọi nhiệm vụ của Giám đốc Công ty giao.	Kỹ sư Đại học Kỹ thuật – Đại học Đà Nẵng	1/ Bằng tốt nghiệp đại học: Kỹ sư Đại học Kỹ thuật – Đại học Đà Nẵng. 2/ Chứng nhận: Kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm theo yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017. 3/ Chứng nhận: Đánh giá nội bộ hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017. 4/ Chứng nhận: Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017.
4	Huỳnh Thanh Thương	– Cán bộ kỹ thuật/Thí nghiệm viên – Tham gia thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường theo các nghiệp vụ đã được đào tạo. – Thực hiện mọi nhiệm vụ của Giám đốc công ty giao.	Xây dựng giao thông	1/ Chứng nhận: Phương pháp thử các tính chất cơ - lý vật liệu kim loại và liên kết hàn. 2/ Chứng nhận: Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường.

5	Dương Thanh Khải	– Cán bộ kỹ thuật/Thí nghiệm viên – Tham gia thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường theo các nghiệp vụ đã được đào tạo. – Thực hiện mọi nhiệm vụ của Giám đốc công ty giao.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	1/ Bằng tốt nghiệp cao đẳng: Công nghệ kỹ thuật xây dựng. 2/ Chứng nhận: Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng 3/ Chứng nhận: Phương pháp xác định tính chất cơ – lý của vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường.
6	Nguyễn Hồng Thuyết	– Cán bộ kỹ thuật/Thí nghiệm viên – Tham gia thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường theo các nghiệp vụ đã được đào tạo. – Thực hiện mọi nhiệm vụ của Giám đốc công ty giao.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	1/ Bằng tốt nghiệp cao đẳng: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng. 2/ Chứng nhận: Thí nghiệm bê tông bằng phương pháp không phá hủy
7	Lê Văn Dương	– Cán bộ kỹ thuật/Thí nghiệm viên – Tham gia thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường theo các nghiệp vụ đã được đào tạo. – Thực hiện mọi nhiệm vụ của Giám đốc công ty giao.	Kỹ sư ngành kỹ thuật điện, điện tử	1/ Bằng tốt nghiệp đại học: Kỹ sư ngành kỹ thuật điện, điện tử. 2/ Chứng nhận: Hiệu chuẩn các dụng cụ đo điện thông dụng
8	Phạm Viết Thành	– Cán bộ kỹ thuật/Thí nghiệm viên – Tham gia thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường theo các nghiệp vụ đã được đào tạo. – Thực hiện mọi nhiệm vụ của Giám đốc công ty giao.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	1/ Chứng nhận: Phương pháp thí nghiệm hiện trường kiểm tra điện trở An toàn hệ thống chống sét

Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Trung Tây Nguyên chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố nêu trên./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Phong